

Tiết 1: Hoạt động tập thể

Phần 1: Sinh hoạt dưới cờ(20')**Phần 2:****HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM****TỰ HÀO LÀ TÔI (TIẾT 2)****A. Mục tiêu :**

- HS biết luôn vui vẻ, nghĩ đến điều tốt đẹp và làm việc tốt. Biết tự đánh giá được mức độ hiểu hiện lòng tự trọng của bản thân và lập được kế hoạch hoàn thiện bản thân.

- HS luôn vui vẻ, nghĩ đến điều tốt đẹp và làm việc tốt. Biết tự đánh giá được mức độ hiểu hiện lòng tự trọng của bản thân và lập được kế hoạch hoàn thiện bản thân.

- Tự hào về bạn bè và bản thân em

- GV : Phiếu học tập.

- HS: SGK.

C. Các hoạt động dạy – học :**I. Phần khởi động (5')**

- Bài học hôm nay giúp các em luôn vui vẻ, nghĩ đến điều tốt đẹp và làm việc tốt. Biết tự đánh giá được mức độ hiểu hiện lòng tự trọng của bản thân và lập được kế hoạch hoàn thiện bản thân.

- ghi đầu bài lên bảng.

II. Phần phát triển bài (27')**Hoạt động 2 : Biết suy nghĩ tích cực**

Mục tiêu : HS biết luôn vui vẻ, nghĩ đến điều tốt đẹp và làm việc tốt.

- Gọi HS đọc mục tiêu 2

- Mục tiêu phần 2 là gì ?

Bài 1

- Cho HS đọc ghi nhớ

- Cho đọc YC

- YC làm gì ?

- Chia lớp 3 nhóm đóng vai dựng lại tình huống

- Tùy HS trả lời .

- HS lắng nghe và ghi đầu bài vào vở

- HS đọc mục tiêu của mục 2 trong sách trang 76.

- HS trả lời: Mục tiêu chúng ta cần đạt là: HS biết luôn vui vẻ, nghĩ đến điều tốt đẹp và làm việc tốt.

- HS đọc ghi nhớ

- 2 hs đọc YC

- Hãy xác định xem ai là người có suy nghĩ tích cực trong các tình huống sau

- TH 1 : mẹ có suy nghĩ tích cực

- Lan không nghĩ suy tích cực.

- Vì Lan có lỗi không làm bài tập

- Nếu là em, em sẽ làm bài tập xong, đưa cho mẹ kiểm tra sau đó xin mẹ đi xem phim

- TH 2 :

- Minh không suy nghĩ tích cực

- Nếu là Minh, em học và làm bài tập xong xin ba mẹ đi sinh nhật bạn.

- Giáo viên theo dõi giúp đỡ HS

- GV nhận xét, khen ngợi

GD HS biết suy nghĩ tích cực để hoàn thiện bản thân mình

Hoạt động 3 : Biết tự trọng

Mục tiêu : em tự đánh giá mức độ biểu hiện lòng tự trọng của bản thân và lập được kế hoạch hoàn thiện bản thân

- Gọi Hs đọc

- Mục tiêu của HĐ 3 là gì ?

Bài 1

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Bài yêu cầu làm gì ?

- Cho HS làm phiếu học tập

- Theo dõi giúp HS

- Nhận xét

GD HS Luôn có lòng tự trọng

Bài 2

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Bài yêu cầu làm gì ?

- Cho 2HS TL làm phiếu học tập

- Theo dõi giúp HS

- Nhận xét

III. Phần kết thúc (3')

- Về nhà nói với cha mẹ anh chị về lòng tự trọng

- Dặn HS về nhà đọc lại bài và xem nội dung 4 trong bài

- Nhận xét giờ học.

- TH 3 : Hai chị em Hồng không biết giúp nhau vẽ đẹp hơn mà chỉ chê nhau vẽ xấu

- Chị cũng nên sửa màu sắc trong tranh của chị đi, xám xịt à !

- Nhóm HS trình bày

- Nhận xét

HS trả lời: Mục tiêu chúng ta cần đạt là: em tự đánh giá mức độ biểu hiện lòng tự trọng của bản thân và lập được kế hoạch hoàn thiện bản thân

- 2 hs đọc bài

- Em hãy đọc các biểu hiện của lòng tự trọng dưới đây và đánh dấu x vào các ô phù hợp với em - Đại diện HS trình bày

- Nhận xét

- 2 HS đọc yêu cầu.

- Lập kế hoạch hoàn thiện bản thân.

- HS làm bài ở phiếu học tập

- Tùy HS làm bài

- Đại diện HS trình bày.

- Nhận xét

- HS lắng nghe thực hiện

Tiết 2: Toán

ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (TIẾP THEO)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố cho HS cách cộng, trừ, nhân, chia phân số.

- Rèn cho HS kĩ năng thực hiện được bốn phép tính với phân số, vận dụng để tính giá trị của biểu thức và giải toán có lời văn. HS làm được các bài tập 1, 3a, 4a.

*** Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực toán học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.
- Phẩm chất chăm chỉ. Có ý thức tự giác tích cực học tập; tính cẩn thận khi làm bài và trình bày bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**1. Khởi động 5'**

- Gọi 2 HS lên bảng làm bài sau.

Tính giá trị biểu thức:

$$a) \left(\frac{6}{11} + \frac{5}{11} \right) \times \frac{3}{7}$$

$$b) \left(\frac{6}{7} - \frac{4}{7} \right) : \frac{2}{5}$$

- Nhận xét, đánh giá.

2. Khám phá 25'**a. Giới thiệu bài: 1'**

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Luyện tập: 31'

Bài 1: Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- Cho HS làm bài, chữa bài.

- GV chữa bài trên bảng.

**Củng cố cho HS cách cộng, trừ, nhân, chia phân số.*

Bài 3a:

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- GV cho HS làm bài, chữa bài.

- GV nhận xét bài trên bảng.

**Củng cố cho HS cách tính giá trị biểu thức chỉ có phép tính cộng và trừ; cách tính giá trị biểu thức chỉ có phép tính*

- 2HS lên bảng làm, HS khác làm bài vào giấy nháp.

- HS nhận xét bài làm trên bảng.

$$a) \left(\frac{6}{11} + \frac{5}{11} \right) \times \frac{3}{7} = \frac{11}{11} \times \frac{3}{7} = \frac{11 \times 3}{11 \times 7} = \frac{3}{7}$$

$$b) \left(\frac{6}{7} - \frac{4}{7} \right) : \frac{2}{5} = \frac{2}{7} \times \frac{5}{2} = \frac{5}{7}$$

- HS lắng nghe.

- 1HS nêu yêu cầu: Tính tổng, hiệu, tích, thương của phân số $\frac{4}{5}$ và phân số $\frac{2}{7}$

- HS làm vào vở, một số học sinh lên bảng chữa bài.

$$\frac{4}{5} + \frac{2}{7} = \frac{28}{35} + \frac{10}{35} = \frac{38}{35} \quad \frac{4}{5} \times \frac{2}{7} = \frac{4 \times 2}{5 \times 7} = \frac{8}{35}$$

$$\frac{4}{5} - \frac{2}{7} = \frac{28}{35} - \frac{10}{35} = \frac{18}{35}$$

$$\frac{4}{5} : \frac{2}{7} = \frac{4}{5} \times \frac{7}{2} = \frac{28}{10} = \frac{14}{5}$$

- 1 HS nêu yêu cầu: Tính giá trị biểu thức.

- HS làm bài vào vở, 3 HS lên bảng chữa bài.

$$\frac{2}{3} + \frac{5}{2} - \frac{3}{4} = \frac{8}{12} + \frac{30}{12} - \frac{9}{12} = \frac{29}{12}$$

$$\frac{2}{5} \times \frac{1}{2} : \frac{1}{3} = \frac{2}{10} : \frac{1}{3} = \frac{6}{10} = \frac{3}{5}$$

$$\frac{2}{9} : \frac{2}{9} \times \frac{1}{2} = 1 \times \frac{1}{2} = \frac{1}{2}$$

- HS nhận xét bài trên bảng, trao đổi với bạn cách làm.

nhân và chia.

Bài 4a:

- Gọi HS đọc đề toán.
- GV yêu cầu HS làm bài.

- Nhận xét một số bài làm của HS.
- H/d chữa bài trên bảng lớp.
- *Chốt cách giải toán liên quan đến phân số.

3. Vận dụng 5'

- Trong một biểu thức chỉ có phép cộng, phép trừ hoặc chỉ có phép nhân, phép chia ta thực hiện làm như thế nào?
- Nhận xét giờ học. Nhắc HS chuẩn bị bài sau: Ôn tập về đại lượng.

- 1 HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm
- 1 HS làm bảng lớp, HS khác làm bài vào vở. HS nhận xét bài làm trên bảng.

Bài giải

Sau 2 giờ vòi nước chảy được số phần

bể là: $\frac{2}{5} + \frac{2}{5} = \frac{4}{5}$ (bể)

Đáp số: $\frac{4}{5}$ bể

- Chúng ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

Tiết 3: **Kể chuyện**

KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*** Kiến thức, kĩ năng:**

- Dựa vào lời kể của giáo viên HS kể được 1 câu chuyện nói về tinh thần lạc quan, yêu đời qua câu chuyện Cây khế.
- Rèn kĩ năng kể chuyện cho học sinh.

***Gúp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sống tạo, NL ngôn ngữ
- Phẩm chất chăm chỉ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Khởi động 5'

- HS kể lại câu chuyện Khát vọng sống
- GV nhận xét, ghi điểm.

1 HS kể

2. Khở mở: 25'

a. Giới thiệu truyện

Câu chuyện nói về về tinh thần lạc quan, yêu đời đó là truyện Giác mơ của phò mã)
(truyện đọc lớp 4/176.

b. Giáo viên kể chuyện

- Giáo viên kể chuyện lần 1
- GV kể lần 2

- Học sinh nghe
- Học sinh nghe

+ Vì sao Đoàn và Thiện rủ nhau ra kinh đô dự thi?	- Vì 2 chàng cùng yêu 1 cô gái, cô gái nói: đến kì thi sắp tới cả 2 cùng đi thi, ai đỗ cao hơn nàng xin lấy làm chồng.
+ Khóa thi năm ấy xảy ra chuyện gì lạ?	- Cả 2 bài thi bằng điểm nhau, quan chánh chủ khảo đành dâng 2 bài văn lên vua.
+ Nhà vua giải quyết thế nào?	- Cuối cùng vua bèn cho cả 2 người đỗ thủ khoa.
+ Sau khi trở thành phò mã, Đoàn thay đổi thế nào?	- Đọc vua tin dùng phò mã Đoàn trở nên hồng hách, chàng gây bè kết cánh, dèm pha các trung thần khiến họ bị cách chức...
+ Vì sao Đoàn ra lệnh cấm muôn dân không đọc hội hè, hát ca?	- Vì nhà vua buồn bã thấy muôn dân vui vẻ, hát ca còn mình thì buồn, cáu gắt.
+ Vì sao vợ chồng Thiện bị bắt giam?	- Vì vợ chồng Thiện không tuân lệnh vua vẫn ngâm thơ, hát ca.
+ Phò Mã Đoàn đã có giấc chiêm bao đáng sợ nh thế nào?	- Gặp 1 ông cụ ông không thềm nói gì mà đẩy phò mã ngã.
+ Khi tỉnh dậy, Đoàn đã làm gì?	- Thảo sớ tâu lên nhà vua xin tha tội cho vợ chồng thiện và cho phép muôn dân đọc tự do nô đùa, ngâm thơ nh trước.
+ Câu chuyện kết thúc nh thế nào?	- Đức vua thấy lòng vui vẻ, tâm hồn th thái, dân chúng vui toI, hát ca.
- Học sinh kể chuyện theo nhóm.	- HS kể từng đoạn câu chuyện theo nhóm, sau đó kể chuyện, trao đổi ý nghĩa.
- Gv theo dõi, đôn đốc các nhóm.	- Học sinh kể từng đoạn hoặc cả câu chuyện.
- Gọi học sinh kể trước lớp - trao đổi.	- lớp nhận xét - bình chọn bạn kể hay nhất.
- GV cho HS nhận xét, tuyên dương bạn kể hấp dẫn.	- Trong cuộc sống luôn lạc quan, yêu đời.
- Câu chuyện muốn cho chúng ta thấy điều gì?	
3. Vận dụng 5'	
- Gv nhận xét tiết học.	
- Về tập kể lại chuyện.	
- Chuẩn bị bài tiết sau.	

Tiết 4: Tập đọc
CON CHIM CHIẾN CHIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

***Kiến thức, kĩ năng:**

- HS đọc đúng các từ khó, dễ lẫn, đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi tự nhiên ở giữa các dòng thơ, khổ thơ. Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả tiếng chim hót của chim trên bầu trời cao rộng. Bước đầu biết đọc diễn cảm hai, ba khổ thơ trong bài với giọng vui, hồn nhiên, tràn đầy tình yêu cuộc sống.

-HS hiểu nội dung bài thơ: Hình ảnh con chim chiến chiến tự do bay liệng trong cảnh thiên nhiên thanh bình cho thấy sự ấm no, hạnh phúc và tràn đầy tình yêu trong cuộc sống.

*** Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL ngôn ngữ, NL cảm thụ văn học
- PC yêu nước.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động 5'

- Gọi 3 HS đọc truyện *Vương quốc vắng nụ cười* (phần cuối)
- Em hãy nêu nội dung bài ?

- Nhận xét, đánh giá.

2. Khám phá 25'

a. Giới thiệu bài: 1'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Nội dung bài học: 31'

HD1: Luyện đọc:

- Yêu cầu HS đọc toàn bộ bài thơ.
- Yêu cầu 6 HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trong bài. Mỗi HS chỉ đọc 1 khổ thơ.
- Yêu cầu HS nêu từ khó đọc và luyện đọc.
- GV chú ý sửa lỗi phát âm, ngắt giọng cho từng HS.
- Gọi HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ lần 2.
- Yêu cầu HS đọc phần chú giải để tìm hiểu nghĩa của các từ khó.
- Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp.

- GV đọc mẫu với giọng vui tươi, hồn nhiên.

HD2: Tìm hiểu bài:

+ Con chim chiến chiến bay lượn giữa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?

+ Những từ ngữ và chi tiết nào vẽ nên hình ảnh con chim chiến chiến tự do bay

- 3 HS lên bảng đọc theo vai.

- 1HS nêu nội dung: Tiếng cười như một phép màu nhiệm làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi hoàn toàn, thoát khỏi nguy cơ lụi tàn.

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm.

- 6 HS tiếp nối đọc thành tiếng.

- HS nêu từ khó: *long lanh, sương chói, chan chứa, làm xanh da trời, ...*

- 6 HS tiếp nối đọc thành tiếng.

- 1 HS đọc thành tiếng trước lớp, HS cả lớp đọc thầm phần chú giải .

- 2 HS ngồi cùng bàn luyện đọc tiếp nối từng khổ thơ.

- Theo dõi GV đọc mẫu.

+ Con chim chiến chiến bay lượn trên cánh đồng lúa, giữa một không gian rất cao, rất rộng .

+ Những từ ngữ và hình ảnh: bay vút, vút cao, cao hoài, cao vợi, chim bay,

lượn giữa không gian cao rộng ?	chim sà, lúa tròn bụng sữa, cánh đập trời xanh, chim biến mất rồi, chỉ còn tiếng hót, làm xanh da trời, lòng chim vui nhiều, hót không biết mỏi.
+ Hãy tìm những câu thơ nói về tiếng hót của con chim chiến chiến ?	+ Những câu thơ: Khúc hát ngọt ngào Tiếng hót long lanh Như cảnh sương chói Tiếng ngọc trong veo Chim reo từng chuỗi
+ Tiếng hót của con chim chiến chiến gọi cho em những cảm giác như thế nào?	+ Tiếng hót của con chim chiến chiến gọi cho em thấy một cuộc sống yên bình, hạnh phúc.
+ Qua bài thơ của Huy Cận, em hình dung được điều gì ?	+ Qua bài thơ, em thấy một chú chim chiến chiến rất đáng yêu, chú bay lượn trên bầu trời hoà bình rất tự do. Dưới tầm cánh chú là cánh đồng phì nhiêu, là cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người.
- Nêu nội dung của bài?	Nội dung: Hình ảnh con chim chiến chiến tự do bay liệng trong cảnh thiên nhiên thanh bình cho thấy sự ấm no , hạnh phúc và tràn đầy tình yêu trong cuộc sống.
HD3: Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ:	
- Tổ chức cho HS đọc diễn cảm 3 khổ thơ đầu (Treo bảng phụ)	- 1 HS đọc, HS nêu cách đọc diễn cảm.
- Yêu cầu HS nêu cách ngắt hơi, nghỉ hơi, nhấn giọng ở 3 khổ thơ này.	
- GV nhận xét, chốt cách đọc đúng.	
- Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp.	- 2 HS ngồi cùng bàn luyện đọc diễn cảm.
- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.	- 3 đến 5 HS thi đọc.
- Yêu cầu HS nhắm đọc thuộc lòng theo cặp.	- 2 HS ngồi cùng bàn nhắm đọc thuộc lòng.
- Tổ chức cho HS đọc thuộc lòng tiếp nối từng khổ thơ.	- 2 lượt HS đọc tiếp nối từng khổ thơ.
- Tổ chức cho HS thi đọc toàn bài thơ .	- 3 HS thi đọc toàn bài.
- Nhận xét, biểu dương những HS đọc tốt	
3. Vận dụng 5'	
- Nêu nội dung bài thơ?	- 1 HS nêu lại.
- Giáo dục HS yêu quý và bảo vệ các loài chim.	

- Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà học thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị bài: *Tiếng cười là liều thuốc bổ*.

- HS lắng nghe.

Buổi chiều

Tiết 1: **Mĩ thuật** (GVC dạy)

Tiết 2: **Lịch sử**

LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*** Kiến thức, kĩ năng:**

- Nắm được các khu di tích lịch sử của xã Hoàng Diệu
- Nêu được tên của các ngôi chùa đã được xây dựng từ thời Lí đến nay.

***Góp phần phát triển các năng lực, phẩm chất:**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- PC yêu nước. Ham hiểu biết, thích tìm hiểu lịch sử Việt Nam .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. khởi động: 5’ Hát

2. Bài mới: 25’

- Yêu cầu HS nêu một số hiểu biết của mình về ngôi chùa của địa phương?
- Nêu một số hoạt động trong lễ hội tại đình làng?

Kể tên một số ngôi chùa trong xã đã được công nhận di tích quốc gia

- Kể tên một số hiểu biết của mình về thành hoàng làng.

Tìm hiểu về một số nhân vật lịch sử có công với làng, xã

3.Vận dụng (5’)

- Tìm hiểu thêm về các ngôi chùa ở địa phương.

Tiết 3: **Kĩ thuật**(GVC dạy)

Thứ 3 ngày 9 tháng 5 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: **Thể dục** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán**

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố cho HS về quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.
- Rèn cho HS kĩ năng đổi đơn vị đo khối lượng, giải bài toán liên quan đến đại lượng.

HS làm được các bài tập 1, 2, 4.

* Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực toán học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.
- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục hs có ý thức học tập tích cực tìm hiểu nội dung bài, phát huy khả năng sáng tạo của học sinh

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Khởi động 5'

- Gọi 1 HS lên điền cho đầy đủ bảng đơn vị đo khối lượng: (BP)

Lớn hơn kg	kg	nhỏ hơn kg

- Gọi HS nhận xét.
- Gọi HS đọc các đơn vị đó.
- GV nhận xét, đánh giá.

2. Bài mới 25'

a. Giới thiệu bài: 1'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Hướng dẫn luyện tập: 31'

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- Yêu cầu HS tự làm bài.
- Gọi HS đọc bài làm.

- Gọi HS nhận xét.
- GV chốt kết quả đúng.

**Củng cố cho HS mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.*

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài.
- Khi chữa bài yêu cầu HS giải thích rõ cách đổi của mình.

**Củng cố cho HS cách đổi đơn vị đo khối lượng.*

Bài 4:

- Gọi HS đọc đề toán trong SGK.
- Đề tính được cả con cá và mớ rau nặng bao nhiêu ki-lô-gam ta làm như thế nào?

- 1 HS lên bảng điền các đơn vị đo khối lượng vào bảng.

Lớn hơn kg			kg	nhỏ hơn kg		
Tấn	ta	yến	kg	hg	dag	g

- HS nhận xét.
- Vài HS đọc lại bảng đơn vị đo khối lượng.

- HS lắng nghe.

- 1HS đọc yêu cầu bài.
- HS tự làm bài vào vở. 2 HS chữa bài trên bảng.

$$1 \text{ yến} = 10 \text{ kg} \quad 1 \text{ tạ} = 10 \text{ yến}$$

$$1 \text{ tạ} = 100 \text{ kg} \quad 1 \text{ tấn} = 10 \text{ tạ}$$

$$1 \text{ tấn} = 1000 \text{ kg} \quad 1 \text{ tấn} = 100 \text{ yến}$$

- HS nhận xét bài trên bảng.

- 1HS đọc yêu cầu bài.
- HS tự làm bài vào vở. HS chữa bài trên bảng.

$$\text{Ví dụ: } 10 \text{ yến} = 100 \text{ kg; } \frac{1}{2} \text{ yến} = 5 \text{ kg}$$

- HS nhận xét bài trên bảng, trao đổi với bạn cách làm.

- 1HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm.
- Ta phải đổi cân nặng của con cá và mớ rau về cùng một đơn vị đo rồi tính tổng

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài.

của chúng.

- HS tự làm bài vào vở.

- 1HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Đổi: $1\text{ kg } 700\text{ g} = 1700\text{ g}$

Cả cá và rau cân nặng là:

$1700 + 300 = 2000\text{ (g)}$

$2000\text{ g} = 2\text{ kg}$

Đáp số: 2kg

- GV nhận xét một số bài làm của HS.

3. HĐ ứng dụng 5'

- Đọc lại bảng đơn vị đo khối lượng?

- GV nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị bài sau: Ôn tập về đại lượng (tiếp).

- 1HS đọc.

Tiết 3: Tập làm văn

MIÊU TẢ CON VẬT (KIỂM TRA VIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

*Kiến thức, Kỹ năng

- củng cố kiến thức về dạng văn tả con vật.

- HS viết được 1 bài văn tả con vật có bố cục rõ ràng, đủ ý, thể hiện được những quan sát riêng; dùng từ, đặt câu đúng; câu văn có hình ảnh, cảm xúc.

*Góp phần phát huy các năng lực và phẩm chất:

- Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, năng lực SD ngôn ngữ.

- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục học sinh yêu quý, có ý thức chăm sóc vật nuôi trong nhà.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài: 2'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học:
Tả con vật (Kiểm tra viết)

- HS lắng nghe.

2. Khám phá: 30'

HĐ1: H/d học sinh làm bài:

- Treo bảng phụ chép sẵn đề bài:

Đề 1: Viết một bài văn tả con vật mà em yêu thích.

- 2 HS nối tiếp nhau đọc đề bài và gợi ý.

Đề 2: Viết một bài văn tả con vật nuôi trong nhà

- Đọc thầm lại các đề.

Đề 3: Viết một bài văn tả con vật nuôi ở vườn thú mà em có dịp quan sát.

Đề 4: Viết một bài văn tả con vật lần đầu tiên em nhìn thấy.

- Yêu cầu HS nêu đề bài mà mình chọn tả.

- HS nối tiếp nhau nêu đề bài mình chọn tả.

- Yêu cầu HS nêu lại dàn bài chung của

- 1HS nêu lại:

một bài văn tả con vật. (Treo bảng phụ để củng cố lại) - Gọi HS nêu lại cách trình bày một bài văn. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - Nhắc nhở HS trước khi làm bài HĐ2: HS làm bài: - GV tổ chức cho HS làm bài vào giấy kiểm tra. - GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn. 3. Vận dụng 5' - Thu bài; nhận xét giờ kiểm tra. - Dặn HS về nhà chuẩn bị tiết tập làm văn: Điền vào giấy tờ in sẵn.	+ <i>Mở bài: Giới thiệu con vật sẽ tả.</i> + <i>Thân bài:</i> <i>Tả hình dáng con vật.</i> <i>Tả hoạt động của con vật.</i> <i>(những thói quen sinh hoạt hàng ngày)</i> + <i>Kết bài: Nêu cảm nghĩ của mình đối với con vật; nêu cách chăm sóc và bảo vệ...</i> - HS viết bài vào giấy kiểm tra. - HS nộp bài.
--	---

Tiết 4: **Khoa học****CHUỖI THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN**

I. MỤC TIÊU: Sau bài học, HS có thể:

- Vẽ và trình bày sơ đồ mối quan hệ giữa bò và cỏ.
- Nêu một số ví dụ khác về chuỗi thức ăn trong tự nhiên.
- HS có kĩ năng:
- + Bình luận, khái quát, tổng hợp các thông tin để biết mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên rất đa dạng.
- + Phân tích, phán đoán và hoàn thành 1 sơ đồ chuỗi thức ăn trong tự nhiên.
- Giáo dục HS biết bảo vệ, ngăn chặn các hành vi phá vỡ cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Bảng nhóm, bút vẽ đủ dùng cho các nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**HĐ1: khởi động:****KIỂM TRA BÀI CŨ (4')**

- Em hãy vẽ sơ đồ bằng chữ và mũi tên để thể hiện mối quan hệ về thức ăn giữa lá ngô, châu chấu và ếch.

HĐ2: BÀI MỚI**1. Giới thiệu bài: (1')****2. Hoạt động 1: Thực hành vẽ sơ đồ mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật với nhau và giữa sinh vật với yếu tố vô sinh. (15')**

- * Mục tiêu: Vẽ và trình bày sơ đồ mối quan hệ giữa bò và cỏ.

- + Phân tích, phán đoán và hoàn thành 1 sơ đồ chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

- * Cách tiến hành:

Bước 1: Làm việc cả lớp.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu hình 1 trang

132 SGK:

- + Thức ăn của bò là gì?

- HS quan sát H1 trả lời câu hỏi.

- Cỏ.

+ Giữa bò và cỏ có quan hệ gì?
 + Phân bò được phân huỷ thành chất gì cung cấp cho cỏ?
 + Giữa phân bò và cỏ có quan hệ gì?
 Bước 2: Làm việc theo nhóm.
 - GV chia nhóm, phát bảng nhóm và bút vẽ cho các nhóm.

Bước 3: Các nhóm treo sản phẩm và cử đại diện trình bày trước lớp.

Kết luận: Phân bò → cỏ → bò

- GV liên hệ rèn kĩ năng: phân tích, phán đoán và hoàn thành 1 sơ đồ chuỗi thức ăn trong tự nhiên cho HS.

3. Hoạt động 2: Hình thành khái niệm chuỗi thức ăn. (15')

* Mục tiêu:

- Nêu một số ví dụ khác về chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

- Nêu định nghĩa về chuỗi thức ăn.

+ Bình luận, khái quát, tổng hợp các thông tin để biết mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên rất đa dạng.

* Cách tiến hành:

Bước 1: Làm việc theo cặp

- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ chuỗi thức ăn ở hình 2 trang 133 SGK.

+ Kể tên những gì được vẽ trong sơ đồ.

+ Chỉ và nói mối quan hệ về thức ăn trong sơ đồ đó.

- GV kiểm tra và giúp đỡ các nhóm.

Bước 2: Hoạt động cả lớp.

- GV giảng: Trong sơ đồ chuỗi thức ăn ở hình 2 trang 133 SGK: Cỏ là thức ăn của thỏ, thỏ là thức ăn của cáo, xác chết của cáo là thức ăn của nhóm vi khuẩn hoại sinh. Nhờ có nhóm vi khuẩn hoại sinh mà các xác chết hữu cơ trở thành những chất khoáng (chất vô cơ). Những chất khoáng này lại trở thành thức ăn của cỏ và các cây khác.

- GV hỏi cả lớp:

+ Nêu một số ví dụ khác về chuỗi thức ăn?

+ Chuỗi thức ăn là gì?

- GV kết luận. Liên hệ rèn kĩ năng: Bình luận, khái quát, tổng hợp các thông tin để biết mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên rất

- Cỏ là thức ăn của bò.

- Chất khoáng.

- Phân bò là thức ăn của cỏ.

- HS làm việc theo nhóm, các em cùng tham gia vẽ sơ đồ mối quan hệ giữa bò và cỏ bằng chữ. Nhóm trưởng điều khiển các bạn lần lượt giải thích sơ đồ trong nhóm.

- Các nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS chú ý nghe.

- HS quan sát sơ đồ hình 2.

- HS thực hiện nhiệm vụ cùng với bạn theo gợi ý trên.

- Một số HS lên trả lời những câu hỏi đã gợi ý trên.

- HS chú ý nghe.

- HS trả lời.

- ...là mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên

- HS nhắc lại.

đa dạng.

HD3: HD ứng dụng (3')

Trao đổi với người thân về nội dung bài học.

Buổi chiều

Tiết 1: Tin học (GVC dạy)

Tiết 2: Tiếng Anh(GVC)

Tiết 3: Âm nhạc (GVC dạy)

Thứ 4 ngày 10 tháng 5 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: Toán

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (TIẾP THEO)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

***Kiến thức, kĩ năng:**

Giúp HS ôn tập củng cố các đơn vị đo thời gian, quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.

HS chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian và giải các bài toán có liên quan. Bài tập cần làm: Bài 2, bài 4.

*** Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực toán học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.
- Phẩm chất chăm chỉ. Có ý thức học tập tích cực, tự giác học bài và làm bài, cẩn thận khi làm toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Khởi động 5'

- Gọi HS lên bảng điền dấu thích hợp vào chỗ chấm

2 kg 7 hg2 700g. ; 60 kg 7g6 007 g.

5 kg 3 g5 035 g; 12 500g 12 kg 500g.

- Nhận xét, đánh giá.

2. Khám phá 25'

a. Giới thiệu bài: 1'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Hướng dẫn học sinh ôn tập: 31'

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ trống:

- Yêu cầu HS tự làm bài vào trong SGK.

- Gọi HS đọc bài làm. GV nhận xét, đánh giá.

1 thế kỉ = 100 năm ; 1 năm = 12 tháng

1 giờ = 60 phút ; 1 ngày = 24 giờ

1 phút = 60 giây ; 1 giờ = 3 600 giây

- 2 HS lên bảng điền.

- Học sinh lớp làm giấy nháp, nhận xét,

2 kg 7 hg = 2 700g. ;

60 kg 7g > 6 007 g.

5 kg 3 g = 5 035 g. ;

12 500g = 12 kg 500g.

- HS nghe và nhắc lại tên bài.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- HS làm bài vào trong SGK

- HS đối vở kiểm tra chéo.

- 2 HS lên bảng làm bài.

1 năm không nhuận (thường) = 365 ngày

1 năm nhuận = 366 ngày

**Chốt cách đổi đơn vị đo thời gian từ lớn sang bé.*

Bài 2: (BP) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- GV chốt cách làm đúng.

5 giờ = 300 phút ; 3 giờ 15 phút = 195 phút

$\frac{1}{12}$ giờ = 5 phút ; 3 phút 25 giây = 205 giây

420 giây = 7 phút ; 4 phút = 240 giây ;

2 giờ = 7 200 giây ;

5 thế kỉ = 500 năm ; $\frac{1}{20}$ thế kỉ = 5 năm

12 thế kỉ = 1 200 năm ; $\frac{1}{3}$ phút = 20 giây

=> Chốt cách đổi đơn vị thời gian.

Bài 4: (BP) Gọi 1 HS đọc đề bài.

- Yêu cầu HS tự làm bài.

- GV nêu lại các câu hỏi trong bài và gọi HS trả lời.

- Thời gian Hà ăn sáng là:

7 giờ - 6 giờ 30 phút = 30 phút.

- Buổi sáng Hà ở trường trong thời gian là:

11 giờ 30 phút - 7 giờ 30 phút = 4 giờ.

- GV gọi HS quay đồng hồ chỉ thời gian tương ứng với các thời gian có trong bài.

=> GD HS biết quý trọng thời gian và cách thực hiện thời gian của mình.

3. Vận dụng 5'

- Gọi HS nhắc lại nội dung ôn tập.

- Dẫn HS về ôn lại bài. Chuẩn bị bài sau: Ôn tập về đại lượng (tiếp theo).

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập.

- HS làm bài trong vở.

- Gọi 2 HS lên làm bài

- HS đổi vở kiểm tra chéo rồi báo cáo kết quả.

- Gọi HS nhận xét bài làm của bạn.

- HS nêu yêu cầu.

- HS làm bài vào vở.

- Đổi vở, nhận xét. HS nhận xét bài làm của bạn.

- HS quay đồng hồ.

- HS liên hệ.

- HS nhắc lại.

Tiết 2: Luyện từ và câu

THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ MỤC ĐÍCH CHO CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

* Kiến thức, Kỹ năng:

- HS hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ mục đích trong câu (trả lời câu hỏi *Để làm gì?; Nhằm mục đích gì?; Vì cái gì?* – ND Ghi nhớ)

- HS nhận diện được trạng ngữ chỉ mục đích trong câu (BT1 mục III); Bước đầu biết dùng trạng ngữ chỉ mục đích trong câu cho phù hợp với nội dung (BT2, 3).

* Góp phần phát triển các năng lực, phẩm chất

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ

- Phẩm chất chăm chỉ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**1. Khởi động 5'**

- Thế nào là trạng ngữ? Đặt câu có trạng ngữ trả lời cho câu hỏi vì sao?

- Nhận xét, đánh giá.

2. Khám phá 25'**a. Giới thiệu bài: 1'**

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Nội dung bài học: 31'**HD1: Tìm hiểu ví dụ:**

Bài 1: Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập.

- Yêu cầu HS trao đổi thảo luận theo cặp.

- Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho những câu hỏi nào?

- Gọi học sinh phát biểu ý kiến.

- Giáo viên nhận xét, kết luận lời giải đúng.

HD2: Ghi nhớ:

- Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ.

- Yêu cầu HS đặt câu với trạng ngữ chỉ mục đích.

- GV cho HS nhận xét.

HD3: Luyện tập:

Bài 1: Treo bảng phụ:

- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập.

- Yêu cầu các nhóm trao đổi, thảo luận, tìm trạng ngữ trong câu.

- Gọi 1 nhóm gắn BP lên bảng. Yêu cầu các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

- Nhận xét, kết luận lời giải đúng.

- Yêu cầu HS nêu cách tìm trạng ngữ trong từng câu.

**Chốt: Cách tìm trạng ngữ trong câu:*

- 2 HS lên bảng đặt câu.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm.

- HS trao đổi và nêu: Trạng ngữ *Để đẹp nổi bật mình* bổ sung ý nghĩa chỉ mục đích cho câu.

- Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho những câu hỏi: *Để làm gì? Nhằm mục đích gì? Vì ai?*

- 3 HS nối tiếp nhau đọc thành tiếng.

- HS nối tiếp nhau đọc câu mình đặt.

- 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu của bài trước lớp.

- 2 nhóm làm việc vào BP. HS cả lớp làm bằng bút chì vào vở bài tập.

- HS nhận xét, chữa bài.

a) Để tiêm phòng dịch cho trẻ em, tỉnh đã cử nhiều cán bộ y tế về các bản.

b) Vì tổ quốc, thiếu niên sẵn sàng!

c) Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.

- Đặt câu hỏi:

a) Tỉnh đã cử nhiều cán bộ y tế về các bản để làm gì ?

b) Thiếu niên sẵn sàng vì ai ?

đặt câu hỏi Để làm gì?; Nhằm mục đích gì? Vì ai?

Bài 2: Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.

- GV tổ chức cho HS làm bài tập 2 tương tự như cách tổ chức làm bài tập 1.

- GV chốt cách điền đúng.

**Củng cố cách thêm trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: Để làm gì? Nhằm mục đích gì?, Vì cái gì?...*

Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập.

- Yêu cầu HS làm bài theo cặp.

- Gọi HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh. Các HS khác nhận xét.

- Nhận xét, kết luận câu trả lời đúng.

**Chốt: Cách thêm bộ phận CN- VN trong câu.*

3. Vận dụng 5'

- Chúng ta vừa học trạng ngữ trả lời cho câu hỏi gì?

- Nhận xét tiết học. Nhắc HS chuẩn bị bài sau: *MRVT: Lạc quan - Yêu đời.*

c) Các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm mục đích gì?

- 1HS nêu: Tìm các trạng ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống.

- HS chữa bài:

a) Để lấy nước tưới cho vùng đất cao/ Để dẫn nước vào ruộng /, xã em vừa đào một con mương.

b) Để trở thành những người có ích cho xã hội / Để trở thành con ngoan trò giỏi / Vì danh dự của lớp/, chúng em quyết tâm học tập và rèn luyện thật tốt.

c) Để thân thể mạnh khỏe/ Để có sức khỏe dẻo dai/, em phải năng tập thể dục.

- 2 HS tiếp nối nhau đọc thành tiếng yêu cầu và 2 đoạn văn của bài.

- 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận, làm bài.

- 2 HS tiếp nối nhau đọc thành tiếng.

a) Để mài cho răng cùn đi, chuột thường gặm các vật cứng.

b) Để kiếm thức ăn, chúng dùng cái mũi và cái mõm đặc biệt đó dũi đất.

- HS nêu.

- HS lắng nghe.

Tiết 3: Tập làm văn ĐIỀN VÀO GIẤY TỜ IN SẴN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

*Kiến thức, Kỹ năng

- HS nắm được nội dung và yêu cầu trong Điện chuyển tiền đi; biết cách điền nội dung trong bức điện.

- HS thực hành điền nội dung trong Điện chuyển tiền đi, bước đầu biết cách ghi vào thư chuyển tiền để trả lại bưu điện sau khi đã nhận được tiền gửi.

*Góp phần phát huy các năng lực và phẩm chất:

- Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, năng lực SD ngôn ngữ.

- Phê chất chăm chỉ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài: 2'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

2. Khám phá 28'

Bài 1: GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập.

- Treo tờ *Thư chuyển tiền* đã phô tô theo khổ giấy to và hướng dẫn HS cách điền:

- Hoàn cảnh viết *thư chuyển tiền* là em và mẹ em ra bưu điện gửi tiền về quê biếu bà. Nhà vậy người gửi là ai? Người nhận là ai?

- Các chữ viết tắt: *SVD*, *TBT*, *ĐBT* ở mặt trước, cột phải, phía trên thư chuyển tiền là những ký hiệu riêng của ngành bưu điện. Các em lưu ý không ghi mục đó.

- *Nhận ấn*: dấu ấn trong ngày của bưu điện.

- *Người làm chứng*: người chứng nhận việc đã nhận đủ tiền.

- *Căn cước*: chứng minh thư nhân dân

Mặt trước mẫu thư các em phải ghi đầy đủ những nội dung sau:

+ Ngày gửi thư, sau đó là tháng, năm.

+ Họ tên, địa chỉ người gửi tiền (họ tên của mẹ em).

+ Số tiền gửi (viết toàn chữ - không phải bằng số).

+ Họ tên, người nhận (là bà em). Phần này viết 2 lần, vào cả bên phải và bên trái trang giấy.

+ Nếu cần sửa chữa điều đã viết, em viết vào ô dành cho việc sửa chữa.

+ Những mục còn lại nhân viên Bưu điện sẽ điền.

+ Mặt sau mẫu thư em phải ghi đầy đủ các nội dung sau

+ Em thay mẹ viết thư cho người nhận tiền (bà em) - viết vào *phần dành riêng để viết thư*. Sau đó đưa mẹ ký tên.

+ Tất cả những mục khác, nhân viên Bưu điện và bà em, người làm chứng (khi nhận tiền) sẽ viết.

- Gọi HS đọc nội dung em điền vào mẫu

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu của bài.

- Quan sát, lắng nghe.

+ Người gửi là em và mẹ em, người nhận là bà em.

- 1 HS đọc, cả lớp nghe, bổ sung cho

thư chuyển tiền cho cả lớp nghe.

- Yêu cầu HS tự làm bài.
- Gọi 3 đến 5 HS đọc thư của mình.

- Nhận xét bài làm của HS.

Bài 2:

- Gọi HS đọc yêu cầu của bài.

- GV hướng dẫn HS viết mặt sau thư chuyển tiền.

- Mặt sau thư chuyển tiền dành cho người nhận tiền. Nếu khi nhận được tiền các em cần phải điền đủ vào mặt sau các nội dung sau:

- + Số chứng minh thư của mình.
- + Ghi rõ họ tên, địa chỉ hiện tại của mình.
- + Kiểm tra lại số tiền được lĩnh xem có đúng với số tiền ghi ở mặt trước thư chuyển tiền tiền không.
- + Ký nhận đã nhận đủ số tiền gửi đến vào ngày, tháng, năm nào, tại địa chỉ nào.
- Yêu cầu HS làm bài.

- Gọi HS đọc bài làm của mình, GV nhận xét.

3. Vận dụng: 3'

- Giờ học hôm nay các em đã được học điền vào loại giấy tờ nào?
- Giáo dục HS biết giữ gìn trật tự khi đi gửi Điện chuyển tiền.
- Nhận xét tiết học. Dặn HS ghi nhớ cách điền vào *Thư chuyển tiền* và chuẩn bị bài: *Trả bài văn miêu tả con vật*.

bạn.

- HS làm bài vào vở bài tập.
- HS đọc thư, HS khác nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm.

- HS chú ý nghe.

- HS làm bài vào vở bài tập Tiếng Việt.

- HS đọc bài làm của mình, HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.

- Điền vào Điện chuyển tiền.

Tiết 4: **Lịch sử** **ÔN TẬP HỌC KÌ 2**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*** Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh hệ thống được quá trình phát triển của nước ta từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỷ thứ XIX.

- Nhớ được các sự kiện, hiện tượng nhân vật lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.

***Góp phần phát triển các năng lực, phẩm chất:**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- PC yêu nước. Ham hiểu biết, thích tìm hiểu lịch sử Việt Nam .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

1. Khởi động: 5'

- Em hãy nêu quá trình xây dựng kinh thành Huế?

- Vì sao kinh thành Huế được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới?

- GV nhận xét, đánh giá học sinh.

- 2 HS trả lời:

- HS lắng nghe.

2. Khám phá 25'

a. Giới thiệu bài: 1'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Nội dung bài học: 31'

HD1: Thống kê lịch sử:

- Giáo viên treo bảng có sẵn nội dung thống kê lịch sử đã học (nhưng được che kín phần nội dung). Ví dụ:

- Giáo viên lần lượt đặt câu hỏi để học sinh nêu các nội dung trong bảng thống kê.

- Giai đoạn đầu tiên chúng ta được học trong lịch sử nước nhà là giai đoạn nào?

- Giai đoạn này bắt đầu từ bao giờ kéo dài đến khi nào?

- Giai đoạn này triều đại nào trị vì đất nước ta?

- Nội dung cơ bản của giai đoạn lịch sử này là gì ?

- GV cho HS tiếp nối nhau phát biểu, đến khi đúng và đủ ý thì mở bảng thống kê đã chuẩn bị cho HS đọc lại nội dung chính về giai đoạn lịch sử trên.

- GV tiến hành tương tự với các giai đoạn khác.

- Học sinh làm bài theo gợi ý thông qua câu hỏi của giáo viên.

- Buổi đầu dựng nước và giữ nước.

- Bắt đầu từ khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN.

- Các vua Hùng, sau đó là An Dương Vương.

- Hình thành đất nước với phong tục tập quán riêng.

- HS đọc bảng thống kê.

HD2: Thi kể chuyện lịch sử:

- GV yêu cầu HS tiếp nối nhau nêu tên các nhân vật lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỷ XIX.

- HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến: Hùng Vương, An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê

- GV tổ chức cho HS thi kể về các nhân vật trên.

Gợi ý: Em nêu nhân vật đó là ai? ở triều đại nào? Nhân vật đó đã có công lao gì to lớn đối với đất nước?

- GV tổng kết cuộc thi, tuyên dương những học sinh kể tốt.

3. Vận dụng 5'

- Nhớ các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta từ thời Hùng Vương đến buổi đầu nhà Nguyễn.

Hoàn, Lý Thái Tô, Lý Thương Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ,...

- HS xung phong lên kể trước lớp, sau đó HS cả lớp bình chọn bạn kể hay nhất.

- HS lắng nghe.

Buổi chiều:

Tiết 1: Tiếng Anh(GVC)

Tiết 2: Toán
ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố cho HS về quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.
- Rèn cho HS kĩ năng đổi đơn vị đo khối lượng, giải bài toán liên quan đến đại lượng.
HS làm được các bài tập 1, 2, 4.

* Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực toán học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.
- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục hs có ý thức học tập tích cực tìm hiểu nội dung bài, phát huy khả năng sáng tạo của học sinh

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Khởi động 5'

- Gọi 1 HS lên điền cho đầy đủ bảng đơn vị đo khối lượng: (BP)

Lớn hơn kg	kg	nhỏ hơn kg

- Gọi HS nhận xét.
- Gọi HS đọc các đơn vị đó.
- GV nhận xét, đánh giá.

- 1 HS lên bảng điền các đơn vị đo khối lượng vào bảng.

Lớn hơn kg	kg	nhỏ hơn kg
Tấn	tạ	yến
	kg	hg dag g

- HS nhận xét.
- Vài HS đọc lại bảng đơn vị đo khối lượng.

2. Bài mới 25'

a. Giới thiệu bài: 1'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Hướng dẫn luyện tập: 31'

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- Yêu cầu HS tự làm bài.

- Gọi HS đọc bài làm.

- Gọi HS nhận xét.

- GV chốt kết quả đúng.

**Củng cố cho HS mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.*

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài.

- Khi chữa bài yêu cầu HS giải thích rõ cách đổi của mình.

**Củng cố cho HS cách đổi đơn vị đo khối lượng.*

Bài 4:

- Gọi HS đọc đề toán trong SGK.

- Đề tính được cả con cá và mớ rau nặng bao nhiêu ki-lô-gam ta làm như thế nào?

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài.

- GV nhận xét một số bài làm của HS.

3. HĐ ứng dụng 5'

- Đọc lại bảng đơn vị đo khối lượng?

- GV nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị bài sau: Ôn tập về đại lượng (tiếp).

- HS lắng nghe.

- 1HS đọc yêu cầu bài.

- HS tự làm bài vào vở. 2 HS chữa bài trên bảng.

1 yến = 10 kg

1 tạ = 10 yến

1 tạ = 100 kg

1 tấn = 10 tạ

1 tấn = 1000 kg

1 tấn = 100 yến

- HS nhận xét bài trên bảng.

- 1HS đọc yêu cầu bài.

- HS tự làm bài vào vở. HS chữa bài trên bảng.

Ví dụ: 10 yến = 100 kg; $\frac{1}{2}$ yến = 5 kg

- HS nhận xét bài trên bảng, trao đổi với bạn cách làm.

- 1HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm.

- Ta phải đổi cân nặng của con cá và mớ rau về cùng một đơn vị đo rồi tính tổng của chúng.

- HS tự làm bài vào vở.

- 1HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Đổi: 1 kg 700 g = 1700 g

Cả cá và rau cân nặng là:

1700 + 300 = 2000 (g)

2000 g = 2 kg

Đáp số: 2kg

- 1HS đọc.

Tiết 3: Tập đọc

TIẾNG CƯỜI LÀ LIỀU THUỐC BỔ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

***Kiến thức, kĩ năng:**

- HS đọc đúng các tiếng, từ khó hoặc dễ lẫn do ảnh hưởng của phương ngữ: người lớn, bốn trăm lần, nảo, nhà nước, sống lâu, chắc chắn ... Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt

nghe hơi đúng sau các dấu câu, giữa các cụm từ, nhấn giọng ở những từ ngữ nói về tác dụng của tiếng cười. Đọc diễn cảm toàn bài với giọng rõ ràng, rành mạch, phù hợp với một văn bản phổ biến khoa học.

-HS hiểu nội dung bài: Tiếng cười làm cho con người khác với động vật: tiếng cười làm cho con người hạnh phúc, sống lâu. Chúng ta cần phải luôn tạo ra xung quanh mình một cuộc sống vui vẻ, hài hước, tràn ngập tiếng cười.

*** Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL ngôn ngữ, NL cảm thụ văn học.
- PC chăm chỉ. Giáo dục hs có tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động 5'

- Gọi HS đọc thuộc lòng bài thơ *Con chim chiền chiện* và trả lời câu hỏi:
- Con chim chiền chiện bay lượn giữa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?
- GV nhận xét, đánh giá

- 2 HS để đọc và trả lời câu hỏi.

2. Khám phá 25'

a. Giới thiệu bài : 1'

- GV sử dụng tranh minh họa để giới thiệu bài.

- Cả lớp nghe, nhận xét.

- HS quan sát tranh minh họa.

b. Nội dung bài học: 23'

HĐ1: Luyện đọc:

- Yêu cầu HS đọc toàn bài.
- Yêu cầu HS chia đoạn.

- 1 HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm.
- HS chia đoạn: 3 đoạn

Đoạn 1: *Một nhà văn ... cười 400 lần.*

Đoạn 2: *Tiếng cười là ... mạch máu.*

Đoạn 3: *ở một số nước ... sống lâu hơn.*

- Yêu cầu HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài, GV chú ý sửa lỗi phát âm, ngắt giọng cho từng HS.

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- Yêu cầu HS nêu từ khó đọc và luyện đọc.

- HS nêu từ khó và luyện đọc cá nhân:

người lớn, bốn trăm lần, não, nhà nước, sống lâu, chắc chắn ...

- Gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 2.
- Yêu cầu HS đọc phần chú giải để tìm hiểu nghĩa của các từ khó.
- Yêu cầu HS luyện đọc trong nhóm.
- GV đọc mẫu toàn bài.

HĐ2: Tìm hiểu bài:

- Bài báo trên có mấy đoạn? Em hãy đánh dấu từng đoạn của bài báo?
- Nội dung chính của từng đoạn là gì?

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- 1 HS đọc phần chú giải.

- HS luyện đọc trong nhóm 3.
- HS chú ý nghe.

-HS nêu lại các đoạn như phần luyện đọc.

- Nội dung từng đoạn:

Đoạn 1: *Tiếng cười là đặc điểm quan trọng, phân biệt con người với các loài vật khác.*

Đoạn 2: *Tiếng cười là liều thuốc bổ.*

Đoạn 3: *Những người có tính hài hước chắc chắn sẽ sống lâu hơn.*

+ Một ngày trung bình người lớn cười 6 lần, mỗi lần kéo dài 6 giây, trẻ em mỗi ngày cười 400 lần.

+ Khi cười tốc độ thở tăng lên, các cơ mặt thư giãn ...

+ Nếu luôn cau có hoặc nổi giận sẽ có nguy cơ bị hẹp mạch máu.

+ Người ta tạo ra tiếng cười ở bệnh nhân để rút ngắn thời gian điều trị bệnh, tiết kiệm tiền cho Nhà nước.

+ Bệnh trầm cảm, bệnh stress.

+ Cần biết sống một cách vui vẻ.

- GV nhận xét kết luận ý chính của mỗi đoạn

+ Người ta đã thống kê số lần cười ở người như thế nào?

+ Vì sao nói tiếng cười là liều thuốc bổ?

+ Nếu luôn cau có hoặc nổi giận sẽ có nguy cơ gì ?

+ Người ta tìm ra cách tạo ra tiếng cười cho bệnh nhân để làm gì ?

+ Trong thực tế em còn thấy có những bệnh gì liên quan đến những người không hay cười, luôn cau có hoặc nổi giận?

+ Em rút ra được điều gì từ bài báo này? Hãy chọn ý đúng nhất.

+ Tiếng cười có ý nghĩa như thế nào?

→ GV chốt nội dung chính của bài.

HD3: Đọc diễn cảm:

- Tổ chức cho HS đọc diễn cảm đoạn 2.
- GV treo bảng phụ có ghi đoạn 2.
- H/d cách đọc.
- Gọi HS đọc tốt đọc mẫu.
- Cho HS luyện đọc theo nhóm đôi.
- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.
- Nhận xét, đánh giá.

3. Vận dụng 5'

- Bài báo khuyên mọi người điều gì?
- > Giáo dục học sinh biết kiềm chế cảm xúc của mình, luôn vui vẻ, cởi mở với mọi người, luôn tạo ra tiếng cười để cho con người được mạnh khỏe sống lâu.
- Nhận xét tiết học. Nhắc HS chuẩn bị bài: *Ăn “mầm đá”*.

- 1 HS đọc mẫu đoạn văn.
- HS nêu cách ngắt hơi, nghỉ hơi, nhấn giọng ở đoạn đó.
- 1 HS đọc tốt đọc mẫu.
- HS luyện đọc theo cặp.
- Vài học sinh thi đọc.
- HS nhận xét, bình chọn HS đọc hay.
- + Cần biết sống một cách vui vẻ.
- HS liên hệ bản thân xem mình là người luôn vui vẻ hay cau có, tức giận.

Thứ 5 ngày 11 tháng 5 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: **Toán**

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (TRANG 173)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố cho HS về hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.
- HS nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc. Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật. Bài tập cần làm: bài 1, 3,4.

*** Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực toán học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.
- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục HS tính cẩn thận, tự giác trong làm bài và trình bày bài toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Khởi động 5'

- Gọi HS để làm bài tập sau:

Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm.

$$2 \text{ m}^2 \text{ } 5 \text{ dm}^2 \text{ } \dots\dots 25 \text{ dm}^2$$

$$3 \text{ m}^2 \text{ } 99 \text{ dm}^2 \text{ } \dots\dots\dots 4 \text{ m}^2$$

- GV nhận xét, đánh giá.

2. Bài mới 25'

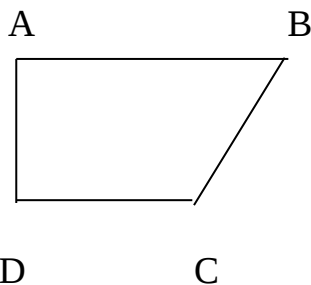
a. Giới thiệu bài: 1'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Hướng dẫn làm bài tập: 23'

Bài 1: Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- GV yêu cầu HS trao đổi trong nhóm đôi: đọc tên hình và chỉ ra các cạnh song song với nhau, các cạnh vuông góc với nhau có trong hình vẽ.



- Cho HS báo cáo + h/d chữa bài.

* *Củng cố cho HS về cặp cạnh vuông góc, cặp cạnh song song.*

Bài 3: GV treo bảng phụ..

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- GV yêu cầu HS quan sát hình vuông, hình chữ nhật, sau đó tính chu vi và diện tích của hai hình này rồi mới nhận xét xem các câu trong bài câu nào đúng, câu nào sai.

- Gọi HS nêu kết quả bài làm.

- Giáo viên nhận xét chốt kết quả đúng.

* *Củng cố cách tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật và hình vuông.*

Bài 4: Gọi HS đọc đề bài.

- H/d phân tích bài toán.

+ Để tính được số viên gạch cần để lát nền phòng học chúng ta phải biết được những gì?

- GV yêu cầu HS làm bài.

- Nhận xét một số bài làm của HS.

- H/d chữa bài trên bảng lớp.

- 1 HS để làm bài tập. HS lớp làm trong nháp.

- Nhận xét

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- HS thảo luận theo cặp, 1 số học sinh để chỉ và đọc.

Hình thang ABCD có:

+ Cạnh AB và cạnh DC song song với nhau.

+ Cạnh BA và cạnh AD vuông góc với nhau.

+ Cạnh AD và cạnh DC vuông góc với nhau.

- HS nhận xét.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- HS tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật và hình vuông ra giấy nháp.

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm.

- HS phân tích đề toán.

+ Chúng ta phải biết được: Diện tích của phòng học; Diện tích của một viên gạch lát nền → Sau đó chia diện tích phòng học cho diện tích 1 viên gạch.

- 1 HS để làm bài, lớp làm vở - HS chữa bài

*Củng cố cách tính diện tích của hình chữ nhật và hình vuông.

3. Vận dụng 5'

- Nêu lại cách tính chu vi diện tích hình chữ nhật, hình vuông?
- Dặn HS về nhà ôn lại bài, chuẩn bị bài sau: Ôn tập về hình học (tiếp)

- HS nêu lại.

Tiết 2: **Chính tả** **NÓI NGƯỢC**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Kiến thức, kĩ năng:

- HS nghe - viết một đoạn trong bài *Nói ngược*; hiểu được nội dung bài viết.
- HS nghe-viết và trình bày đúng hình thức đoạn thơ; làm đúng bài tập chính tả phân biệt âm đầu dễ lẫn.

*Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.
- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục học sinh cẩn thận khi viết bài, có ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

II. CHUẨN BỊ

Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động 5'

- Gọi 2 HS đọc, dưới lớp viết vở nháp 5 từ láy trong đó tiếng nào cũng có âm tr hoặc ch.

- H/d nhận xét.

- Cho HS đọc lại các từ láy đã tìm được

2. Khám phá 25'

a. Giới thiệu bài: 1'

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Nội dung bài học: 23'

HD1: Hướng dẫn HS nghe-viết:

- HS thực hiện theo yêu cầu:

+ Trắng trẻo, trơ trẽn, tròn trịa, trùng trục, ...

+ chông chênh, chênh chéch, chống chếnh, chói chang, chong chóng,...

- Nhận xét, bổ sung.

- 1 em đọc lại.

- HS lắng nghe.

- GV gọi HS đọc bài.

- GV h/d giải nghĩa một số từ: trúm, lươn, hùm, nậm, cào cào, bọ,...

+ Bài về có gì gây cười ?

+ Nội dung bài về là gì?

- Yêu cầu HS tìm những từ khó viết và viết vào vở nháp.

- GV đọc cho HS viết bài.

- GV nhận xét một số bài viết+ nhận xét chung trước lớp.

HD2: Luyện tập chính tả:

Bài 2: (GV chiếu slide chép sẵn đoạn văn) Chọn những chữ viết đúng chính tả trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn.

- Cho HS tự làm bài.

- H/d nhận xét và chốt đáp án đúng.

Đáp án: giải đáp, tham gia, dùng, theo dõi, kết quả, bộ não, không thể.

+ Vì sao ta cười khi bị người khác cù?

3. Vận dụng 5'

- GV nhận xét tiết học.

- Yêu cầu HS về nhà xem lại bài tập ghi nhớ các trường hợp phân biệt chính tả để không mắc lỗi khi viết. Chuẩn bị bài sau: Ôn tập.

- 1HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm.

- HS tham gia giải nghĩa.

+ Bài về có nhiều chi tiết đáng cười: ếch cắn cổ rắn, hùm nằm cho lợn liếm lông, lươn nằm cho trúm bò vào, ...

+ Bài về toàn nói những chuyện ngược đời, không bao giờ là sự thật nên buồn cười.

- HS tìm và viết các từ khó (VD: liếm lông, lao đao, lươn, trúm, chim chích, quạ,...)

- HS nghe và viết bài vào vở .

- HS đổi vở soát bài.

- 1 HS nêu yêu cầu.

- 1 HS để làm, cả lớp làm trong vở bài tập.

- Chữa bài

+ Vì khi bị người khác cù ta không thể đoán trước được thứ tự của hoạt động, ta sẽ bị bất ngờ và bật lên tiếng cười như là phản ứng tự vệ.

- HS lắng nghe.

MỞ RỘNG VỐN TỪ : LẠC QUAN- YÊU ĐỜI**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:***** Kiến thức, Kỹ năng:**

- Giúp HS mở rộng và hệ thống hoá vốn từ thuộc chủ đề: *Lạc quan - Yêu đời*.
- HS đặt câu đúng ngữ pháp, có hình ảnh với các từ thuộc chủ đề.

*** Góp phần phát triển các năng lực, phẩm chất**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL sử dụng ngôn ngữ.
- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục HS có tinh thần lạc quan yêu đời cho dù gặp bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**1. Khởi động 5'**

- Gọi 2 HS để đặt câu có trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: *Để làm gì? Nhằm mục đích gì?*
- GV nhận xét, đánh giá.

2. Khám phá 25'**a. Giới thiệu bài: 1'**

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Hướng dẫn làm bài tập: 23'

Bài 1: Gọi HS đọc yêu cầu, nội dung bài.

- Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4, xếp các từ vào 4 nhóm.

- Từ chỉ hoạt động.
- Từ chỉ cảm giác.
- Từ chỉ tính tình.
- Từ vừa chỉ tính tình vừa chỉ cảm giác.

- 2 HS để đặt câu, HS khác đặt câu vào giấy nháp.

- HS nhận xét câu ở

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc yêu cầu 1. Cả lớp đọc thầm lại.

- HS thảo luận theo nhóm 4, ghi kết quả vào phiếu học tập.

- Đại diện trình bày.

- + Từ chỉ hoạt động: vui vầy, vui chơi.

- + Từ chỉ cảm giác: vui thích, vui mừng, vui sướng

- + Từ chỉ tính tình: vui tính, vui nhộn, vui tươi.

- + Từ vừa chỉ tính tình vừa chỉ cảm giác: vui vẻ.

- HS giải nghĩa từ. Ví dụ:

+ Gọi HS giải thích nghĩa các từ đó. GV nhận xét bổ sung nghĩa của từ.

+ Từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi gì?

+ Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi nào?

+ Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi nào? cho ví dụ ?

- GV chốt câu trả lời đúng.

Bài 2: Từ mỗi nhóm từ trên, chọn ra một từ và đặt câu với mỗi từ đó.

- Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.

- Yêu cầu HS tự làm, nhắc HS đặt càng nhiều câu càng tốt. Gọi HS nêu câu đã đặt.

- GV nhận xét sửa chữa cách dùng từ, đặt câu.

Bài 3: Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.

- GV phát phiếu cho nhóm đôi HS trao đổi rồi làm vào phiếu, tìm từ và ghi vào giấy

- Gọi 2 - 3 nhóm dán bài lên bảng. Gọi HS đọc lại các từ đã tìm được. Gọi các nhóm nhận xét, bổ sung.

vui chơi: hoạt động giải trí

vui lòng: vui vẻ trong lòng

giúp vui: làm cho ai việc gì đó

vui nhộn: vui một cách ồn ào

+ Từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi làm gì?

VD: HS đang làm gì trên sân trường?

+ Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi cảm thấy thế nào?

VD: Được điểm tốt bạn cảm thấy thế nào?

+ Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi là người thế nào?

VD: Bạn Lan là người thế nào?

- 1 HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS đặt câu và ghi vào giấy nháp. HS nêu miệng câu mình đặt.

VD:

+ Bạn Hà rất vui tính.

+ Sinh nhật mình các bạn đến giúp vui cho mình nhé!

+ Em rất vui sướng khi được các thầy cô khen.

+ Cả lớp nghe, nhận xét câu bạn nêu.

- HS nêu yêu cầu bài tập.

+ HS làm việc theo nhóm đôi, tìm từ viết vào vở, sau đó trình bày trước lớp.

VD: ha hả, hi hí, hi hi, khinh khích,

rúc rích, sằng sặc, khanh khách, khùng khục, rinh rích, sằng sặc, sặc sụa,...

- GV nhận xét chốt các từ đúng.
- Cho HS đặt câu với các từ vừa tìm được.
- GV chữa cho HS về cách dùng từ, đặt câu.

3. Vận dụng 5'

- Gọi HS đọc một số từ ngữ ở bài tập 1.
- GV nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị bài: *Luyện tập về trạng ngữ*.

- HS đặt câu. VD:
- + Máy bạn nữ cười rúc rích.
- + Em bé cười khanh khách.
- 1 HS đọc.

Tiết 4: Thể dục (GVC)

Buổi chiều:

Tiết 1: Tin học

Tiết 2: Tiếng Anh

Tiết 3: Toán

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (TIẾP THEO)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được 2 đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc. Tính được diện tích hình bình hành.
- Rèn kĩ năng nhận biết hình và tính diện tích của hình.

* Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực toán học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.
- Phẩm chất chăm chỉ. Có ý thức tự giác tích cực học tập; tính cẩn thận khi làm bài và trình bày bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Khởi động 5'

- GV yêu cầu HS nêu đặc điểm của 2 đường thẳng song song, vuông góc.
- Yêu cầu 2 HS lên bảng vẽ 2 đường thẳng song song, 2 đường thẳng vuông góc.

2. Luyện tập 25'

Bài 1: Yêu cầu HS quan sát hình vẽ SGK

- Chỉ ra đoạn thẳng song song với AB.
- Đoạn thẳng vuông góc với BC
- Gv nhận xét, kết luận bài đúng.

- 1 số học sinh thực hiện theo yêu cầu.

- Lớp theo dõi, nhận xét.

- HS quan sát và nêu:

AB song song với DE

BC vuông góc với CD

- Các HS khác nhận xét.

Bài 2: Gọi HS đọc bài. - Yêu cầu HS quan sát kĩ hình vẽ. - Muốn tìm số đo chỉ chiều dài HCN ta cần làm gì? - GV chữa bài, củng cố công thức tính chu vi, diện tích HCN, Hình vuông. - Muốn tính diện tích HV ta làm như thế nào? - Muốn tính diện tích HCN ta làm như thế nào? Bài 4: Gv vẽ hình lên bảng - Yêu cầu HS đọc đề bài, quan sát hình vẽ - Muốn tính được DT hình H ta phải làm gì? - Muốn tính diện tích HBH ta làm như thế nào? - Muốn tính diện tích HCN ta làm như thế nào? - Gv yêu cầu HS làm bài. - GV chấm 1 số bài. - Nhận xét, chữa bài cho HS. 3. Vận dụng 5' - GV nhận xét giờ học. - Yêu cầu về xem lại bài tập đã chữa.	- HS nêu yêu cầu của bài. - Quan sát hình vẽ và nêu. - 1 số HS nêu nhanh kết quả. Diện tích hình vuông là : $8 \times 8 = 64(\text{cm}^2).$ Chiều dài hcn là: $64 : 4 = 16 (\text{cm}).$ - Lấy độ dài 1 cạnh rồi nhân với chính nó. - Lấy số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng. - HS đọc đề bài. - Quan sát hình vẽ SGK . - Ta phải tính Dt HBH ABCD và diện tích HCN BEGC - Lấy đáy nhân với chiều cao. - Lấy số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng. - HS làm bài vở. Diện tích hình bình hành ABCD là: $3 \times 4 = 12(\text{cm}^2)$ Diện tích HCN BEGC là: $3 \times 4 = 12(\text{cm}^2)$ Diện tích hình H là: $12 + 12 = 24(\text{cm}^2)$
--	--

Thứ 6 ngày 12 tháng 5 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: Toán

ÔN TẬP VỀ TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố cho HS về dạng toán tìm số trung bình cộng.

- HS thực hành giải được bài toán về “Tìm số trung bình cộng”. Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.

*** Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực toán học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.
- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục hs có ý thức học tập tích cực tìm hiểu nội dung bài, phát huy khả năng sáng tạo của học sinh

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Khởi động 5’

- Muốn tính diện tích hình bình hành ta làm thế nào?
- GV nhận xét, đánh giá.

2. Khám phá 25’

a. Giới thiệu bài: 1’

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

b. Hướng dẫn làm bài tập: 23’

Bài 1: Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.

- Nêu cách tìm số trung bình cộng của các số?

- Chốt kết quả đúng.

=> *Củng cố cách tìm số trung bình cộng của nhiều số.*

Bài 2: Yêu cầu HS đọc đề, tìm hiểu đề.

+ Để tính được trong 5 năm trung bình số dân tăng hằng năm là bao nhiêu chúng ta phải tính được gì?

+ Sau đó làm tiếp thế nào?

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài.

- Muốn tính diện tích hình bình hành ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng đơn vị đo).

- HS lắng nghe.

- 1HS nêu yêu cầu.

- Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số ta tính tổng của các số đó, rồi chia tổng đó cho số các số hạng.

- HS làm bài vào vở. 2 HS chữa bài.

a. $(137 + 248 + 395) : 3 = 260.$

b. $(348 + 219 + 560 + 275) : 4 = 463$

- HS nhận xét.

- 1 HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm. HS phân tích đề toán.

+ Chúng ta phải tính được tổng số dân tăng thêm của 5 năm.

+ Sau đó lấy tổng số dân tăng thêm chia cho số năm.

- HS làm bài vào vở.

=> *Củng cố cách giải bài toán tìm số trung bình cộng.*

Bài 3: Gọi HS đọc đề bài.

- GV hướng dẫn HS giải bài toán.

+ Để tính được trung bình mỗi tổ góp được bao nhiêu quyển vở, chúng ta phải tính được gì?

+ Để tính được tổng số vở của cả ba tổ chúng ta phải tính được gì trước?

- Yêu cầu HS làm bài, chữa bài.

- Chốt cách giải đúng

- GV nhận xét một số bài

=> *Củng cố giải toán tìm số trung bình cộng.*

3. Vận dụng 5'

- Yêu cầu HS nhắc lại cách tìm TBC của nhiều số?

- 1 HS làm bài, HS chữa bài.

- 1 HS đọc thành tiếng + cả lớp đọc thầm.
HS phân tích đề toán.

- Phải tính được số vở của cả ba tổ.

- Tính được số vở của tổ Hai, tổ Ba góp.

- HS làm bài vào vở.

- 1 HS chữa bài

- HS lắng nghe.

Tiết 2: Kể chuyện CÁI ẨM ĐẤT

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Kiến thức, kĩ năng:

- HS nắm được nội dung câu chuyện. Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa câu chuyện.

- Rèn kĩ năng nói: Dựa vào lời kể của GV và tranh minh họa, HS biết thuyết minh lại nội dung mỗi tranh bằng 1, 2 câu. Kể lại được câu chuyện, có thể phối hợp lời kể với điệu bộ, nét mặt một cách tự nhiên.

- Rèn kĩ năng nghe: Chăm chú nghe kể chuyện, nhớ cốt truyện. Nghe bạn kể: nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn; kể tiếp được lời bạn.

*Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ

- Phẩm chất chăm chỉ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. khởi động: 5'

- Gọi HS kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc mà mình thích.

2. Khám phá

HD1. Giới thiệu bài (1')

HD2. GV kể chuyện (5')

- GV kể lần 1 kết hợp giải nghĩa từ khó trong truyện.

- HS nghe.

- GV kể chuyện lần 2: vừa kể vừa chỉ vào tranh minh hoạ

- HS nghe kết hợp nhìn tranh.

3. Hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu của bài tập (25')

a. Tìm lời thuyết minh cho mỗi tranh bằng 1, 2 câu

Bài 1: Cho HS đọc yêu cầu.

- GV treo tranh minh hoạ

- 1 HS nêu yêu cầu.

- GV nhận xét, viết nhanh dưới mỗi tranh 1 lời thuyết minh hợp lý nhất.

- HS quan sát tranh minh hoạ, suy nghĩ tìm lời thuyết minh cho các bức tranh.

b. Kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện

- Lớp nhận xét.

Bài 2, 3: Cho HS đọc yêu cầu.

- Kể chuyện trong nhóm:

- HS đọc yêu cầu bài tập 2, 3.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

- HS kể chuyện từng đoạn trong nhóm.

- Thi kể trước lớp:

+ Tổ chức cho các nhóm thi kể chuyện.

- Tổ chức cho HS nhận xét, bình chọn.

- 2, 3 em HS thi kể trước lớp toàn bộ

+ Tổ chức thi kể chuyện cá nhân.

- Câu chuyện có ý nghĩa gì?

- GV tổ chức HS nhận xét, bình chọn cá nhân kể hay nhất.

- GV nhận xét, tuyên dương và rèn kỹ năng nghe: Chăm chú nghe kể chuyện, nhớ cốt truyện. Nghe bạn kể: nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn; kể tiếp được lời bạn.

- Thái độ: Mạnh dạn, tự nhiên khi nói trước đông người.

HD3: Vận dụng (3')

Kể lại câu chuyện cho người thân nghe và trao đổi về nội dung bài

câu chuyện. Nêu ý nghĩa câu chuyện.

- Các nhóm khác nghe và nhận xét nhóm bạn kể chuyện.

- 2, 3 HS thi kể toàn bộ câu chuyện.

- HS nêu.

- HS bình chọn bạn kể hay nhất.

- HS chú ý nghe.

Tiết 3: Tập đọc ĂN “MÀM ĐÁ”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*Kiến thức, kỹ năng:

- Đọc lưu loát trôi chảy toàn bài; bước đầu biết đọc diễn cảm bài văn với giọng kể vui, hóm hỉnh. Đọc phân biệt lời các nhân vật và người dẫn câu chuyện.

- Hiểu nội dung câu chuyện: Ca ngợi Trạng Quỳnh thông minh, vừa biết cách làm chúa ăn ngon miệng, vừa khéo giúp chúa thấy được một bài học về ăn uống. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK).

* Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:

- Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL ngôn ngữ, NL cảm thụ văn học
- PC yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động 5'

- Hát

KTBC Tiếng cười là liều thuốc bổ

- HS đọc bài và trả lời câu hỏi trong SGK .

2. Khám phá 25'

a. Giới thiệu bài:

b. Luyện đọc:

- Một HS đọc bài.

- HS nối tiếp nhau đọc đoạn của bài

- GV theo dõi cho HS phát âm lại những từ HS phát âm sai.

- HS đọc lượt 2

+ Kết hợp giải nghĩa từ: *Mầm đá, tương truyền, tức tức, dỗi dỗi* ...

- GV đọc diễn cảm bài văn

c. Tìm hiểu bài:

- Vì sao chúa Trịnh muốn ăn món mầm đá?

- Trạng Quỳnh chuẩn bị món ăn cho chúa Trịnh như thế nào?

- Cuối cùng chúa được ăn mầm đá không? Vì sao?

- Em có nhận xét gì về nhân vật Trạng Quỳnh?

- Nêu ND của bài?

d. Hướng dẫn đọc diễn cảm

- HS nối tiếp nhau đọc cả bài.

- GV hướng dẫn cả lớp đọc diễn cảm một đoạn trong bài: *Thấy chiếc lọvừa miệng đâu ạ.*

- GV đọc mẫu

- Một vài HS thi đọc diễn cảm.

3. Vận dụng 5'

- Nêu ND của bài? Qua nhân vật Trạng Quỳnh em học được điều gì?

- Học sinh đọc 2-3 lượt.

- Học sinh đọc.

- Lớp đọc thầm

- 4 HS đọc lượt 1

+ Đoạn 1: 3 dòng đầu.

+ Đoạn 2: tiếp theo đến...ngoài để hai chữ ngoại phong.

+ Đoạn 3: tiếp theo đến khó tiêu.

+ Đoạn 4: phần còn lại.

- HS đọc thầm bài và trả lời câu hỏi

- Vì chúa ăn gì cũng không ngon miệng, thấy món mầm đá là món lạ nên muốn ăn.

- Trạng cho người đi lấy đá về ninh, còn mình thì chuẩn bị một lọ tương để bên ngoài hai chữ đại phong. Trạng bắt chúa phải chờ đến lúc đói mềm.

- Chúa không được ăn món mầm đá, vì thực ra không hề có món đó.

- Là người thông minh ...

- HS đọc bài

- HS chú ý nghe

- HS thi đọc diễn cảm

- HS trả lời.

- Về đọc kĩ bài, chuẩn bị bài sau Ôn tập CKII

- Nhận xét tiết học

Tiết 4: Khoa học

ÔN TẬP: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT (T1)

I. MỤC TIÊU:

- Củng cố và mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa sinh vật và sinh vật qua quan hệ thức ăn.

- HS biết:

+ Vẽ và trình bày sơ đồ mối quan hệ về thức ăn của một số nhóm sinh vật.

+ Phân tích được vai trò của con người với thực vật là một mắt xích của chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

- HS có ý thức vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế.

=> Góp phần hình thành năng lực tìm tòi và phẩm chất tự học cho HS.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- Hình SGK trang 135- 137. Giấy, bút vẽ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC:

HD1: HD khởi động:

Kiểm tra bài cũ (5')

- Thế nào là chuỗi thức ăn?

- Nêu 1 ví dụ về chuỗi thức ăn trong tự nhiên?

HD2: BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài (1')

2. Thực hành vẽ sơ đồ chuỗi thức ăn (30')

* Mục tiêu: Vẽ và trình bày sơ đồ (bằng chữ) mối quan hệ về thức ăn của 1 nhóm vật nuôi, cây trồng và động vật hoang dã.

* Cách tiến hành:

B- ớc 1: Làm việc cả lớp:

+ Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật được bắt đầu từ sinh vật nào?

B- ớc 2: Làm việc nhóm:

- Yêu cầu các nhóm vẽ sơ đồ mối quan hệ về thức ăn của một nhóm vật nuôi, cây trồng và động vật sống hoang dã bằng chữ.

B- ớc 3: Trình bày sản phẩm và trình bày trước lớp.

- So sánh sơ đồ về mối quan hệ thức ăn của 1 nhóm vật nuôi, cây trồng và động vật sống hoang dã với sơ đồ về chuỗi thức ăn ở bài trước?

- GV chốt kết luận: Sơ đồ mối quan hệ thức ăn của một nhóm vật nuôi, cây trồng và động vật sống hoang dã.

- HS quan sát hình vẽ trong SGK
- trả lời câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ:

- Đại diện nhóm trình bày trước lớp.

- HS so sánh.
- Lớp nhận xét.

- HS lắng nghe.

HD3: HD ứng dụng:

- Trao đổi với người thân về nội dung bài học.

Buổi chiều:

Tiết 1: **Tập làm văn****TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT*****Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố cho HS kiến thức về văn tả con vật; rút kinh nghiệm về cách bố cục, trình tự miêu tả, quan sát và chọn lọc chi tiết cách diễn đạt, trình bày trong bài văn tả con vật.
- HS biết tham gia sửa lỗi chung; biết tự sửa lỗi cô giáo yêu cầu; phát hiện và sửa lỗi trong bài làm của mình, của bạn; nhận biết ưu điểm của bài văn hay; biết viết lại một đoạn văn trong bài làm của mình cho hay hơn.

***Góp phần phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực sáng tạo, năng lực ngôn ngữ.
- Phẩm chất chăm chỉ. Giáo dục học sinh cẩn thận khi viết bài, có ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

II. CHUẨN BỊ

Máy tính, tivi chiếu nội dung bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**1. Khởi động 5'**

- Nêu cấu tạo của bài văn miêu tả con vật.
- GV nhận xét, đánh giá.

- HS trả lời

2. Khám phá 25'**a. Giới thiệu bài: 1'**

- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học.

- HS lắng nghe.

b. Nội dung bài học: 23'**HD1:** GV nhận xét chung về kết quả bài viết của cả lớp:

- GV treo bảng phụ đã viết sẵn đề bài của tiết TLV kiểm tra.

- HS đọc lại đề, phân tích lại đề bài.

- GV nhận xét chung về kết quả bài làm của HS:

*** Những ưu điểm chính:** HS xác định đúng yêu cầu của đề bài, không em nào bị lạc đề; nắm được cách tả con vật, bố cục rõ ràng. Nhiều bài viết hay, có hình ảnh cảm xúc, diễn đạt tương đối tốt.

- HS lắng nghe lời giáo viên nhận xét.

VD bài của em Nga, Hà Chi, Ngọc Linh; Tiên; ...

**Những thiếu sót, hạn chế:*

- Một số bài tả còn liệt kê, chưa tìm được đặc điểm nổi bật của con vật mình yêu thích để phân biệt nó với các con vật khác cùng loại.

- Có bài còn tình trạng viết sai chính tả nhiều, dùng từ chưa chính xác...diễn đạt còn dài dòng, hoặc lủng củng, có bạn phân tả hoạt động, thói quen của con vật còn sơ sài,...

HĐ2: Hướng dẫn HS chữa bài:

+ Hướng dẫn sửa lỗi chung:

- GV chiếu slide đã viết sẵn các lỗi định chữa (lỗi chính tả; lỗi dùng từ, lỗi về câu,...)

- Gọi một số HS để chữa từng lỗi. Cả lớp tự chữa trên giấy nháp. HS trao đổi bài chữa GV chữa lại cho đúng

(nếu sai).

+ HS tự sửa lỗi trong vở bài tập:

- Yêu cầu HS mở vở bài tập, ghi những lỗi sai của mình vào vở và sửa lỗi sang cột bên cạnh.

HĐ3: Hướng dẫn HS học tập những đoạn văn, bài văn hay:

- GV đọc cho HS nghe đoạn mở bài, kết bài, bài hoàn chỉnh của một số HS viết tốt.

- Yêu cầu HS chọn một đoạn trong bài để viết lại cho hay hơn.

- GV nghe, bổ sung cho HS.

- HS thực hành sửa lỗi.

- HS trao đổi về bài chữa

- HS tự sửa lỗi của mình vào vở.

- Đọc những lỗi sai và cách sửa trước lớp.

- HS khác lắng nghe, sửa cho bạn.

- HS thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV để tìm ra cái hay, cái đáng học tập của đoạn văn, bài văn, từ đó rút kinh nghiệm cho mình.

- HS viết lại đoạn văn vào vở.

- Vài HS đọc đoạn văn của mình.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

3. Vận dụng 5'

- Nêu cấu tạo của bài văn miêu tả con vật.
- GV nhận xét tiết học, nhắc HS chuẩn bị bài sau

- 1 HS nêu lại.

Tiết 2: **Tiếng Anh**(GVC)Tiết 3: **Hoạt động tập thể**
SINH HOẠT LỚP**I. Yêu cầu cần đạt**

- Kiểm điểm việc thực hiện nề nếp trong tuần.
- Phát huy những ưu điểm, khắc phục những mặt còn tồn tại.
- Đề ra phương hướng hoạt động tuần tới

II. Nội dung :**1. Lớp trưởng báo cáo tình hình hoạt động chung trong tuần.****2. GV nhận xét.****a. Ưu điểm**

- Cô trò tích cực ôn tập cuối năm.
- Tham gia đầy đủ các hoạt động của nhà trường và Đội.
- Đảm bảo tỉ lệ đi học chuyên cần cao, bảo vệ của công tốt.
- Ban cán sự lớp tích cực hoạt động, lớp học đoàn kết, biết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Tích cực chăm sóc công trình măng non.

b. Tồn tại :

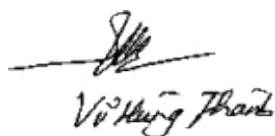
- Một số em chưa thật chăm chỉ, ít luyện đọc, chữ viết xấu.
- Còn hiện tượng lười học.
- Có hiện tượng thảo hơi xe của nhau.

3. Phương hướng hoạt động tuần tới

- Tích cực ôn tập chuẩn bị kiểm tra cuối năm.
- hoàn thành chương trình học kì 2 và cả năm.
- Tham gia kì kiểm tra cuối năm theo đúng kế hoạch.
- Chép TKB tuần sau, chép lịch kiểm tra học kì 2.
- Tham gia bình bầu thi đua trong lớp.

Nhận xét đánh giá của người kiểm tra.

Bài soạn đúng kế hoạch.



Vũ Hưng Thanh